

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 8 - 2022

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tuấn Cường

2. Ông Nguyễn Thanh Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Ni - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 34/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngõ Phụng C, sinh năm 1979; nơi cư trú: Số 1487 tổ 4, ấp X, xã Y, huyện Z tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

Bị đơn: Ông A, sinh năm 1970; nơi cư trú: Số 2465 Mcdonald St Regina, Sask S4N 2Z4, Canada. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 06/7/2022, nguyên đơn Ngõ Phụng C trình bày như sau:*

Thông qua mai mối và sau thời gian tìm hiểu bà C và ông A tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/6/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại số Số 1487 tổ 4, ấp X, xã Y, huyện Z tỉnh Vĩnh Long đến ngày 15/7/2012 thì ông A về Canada sinh sống, còn bà C ở lại Việt Nam. Từ đó, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau.

Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà C yêu cầu được ly hôn với ông A.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại bản tự khai ngày 22/7/2022, bị đơn A trình bày:* Ông A nhận được Thông báo của Tòa án về việc bà Ngũ Phụng C yêu cầu ly hôn, nay ông A đồng ý ly hôn với bà Ngũ Phụng C. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do ông A đang sinh sống và làm việc tại Canada nên yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ hôn nhân giữa bà Ngũ Phụng C với ông A là quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài được quy định tại Điều 126 của Luật hôn nhân và gia đình của Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì việc ly hôn giữa công dân Việt Nam với đương sự là người nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án Việt Nam.

Nguyên đơn Ngũ Phụng C có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn A có văn bản trình bày ý kiến đối với việc tranh chấp ly hôn và xin vắng mặt khi xét xử vụ án nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn giữa bà C và ông A thì bà C và A có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/6/2012; do đó, hôn nhân giữa bà C và ông A là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, ông A về Canada sinh sống, còn bà C ở lại Việt Nam. Từ đó, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau và ly thân cho đến nay. Xét thấy, hôn nhân giữa bà C và ông A không thể hàn gắn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng không còn quan tâm, không chăm sóc, không yêu thương nhau, hiện nay bà C đang sống ở Việt Nam còn ông A đang sinh sống ở Canada. Do bà C và

ông A vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và ông A cũng có ý kiến đồng ý ly hôn với bà C, nên cho bà C được ly hôn với ông A là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: Không yêu cầu, Tòa không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, Tòa không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Ngũ Phụng C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 19; Điều 51; Điều 56; Điều 123, Điều 126 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; điểm d khoản 1 Điều 469; điểm a khoản 5 Điều 477; điểm a khoản 2 Điều 478; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Ngũ Phụng C.

- Về hôn nhân: Cho bà Ngũ Phụng C được ly hôn với ông A.

- Về con chung: Không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí:

- Về án phí: Bà Ngũ Phụng C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000200 ngày 12/7/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, bà Ngũ Phụng C đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSNDTVL: 02;
- Chánh án; 01
- CQTHADSTVL: 01;
- Đ/s: 02;
- UBND TVL; 01;
- Lưu: 05.

Nguyễn Thị Tư